TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2023/HNGĐ-ST Ngày: 14-3-2024 *V/v "tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:1/ Bà Lê Thị Xuân Hiền

2/ Ông Nguyễn Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 tranh chấp "về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Phạm Minh K, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- ***Bị đơn:*** Chị Đào Thị N, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn anh Phạm Minh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thông qua mai mối của người thân nên anh Phạm Minh K và chị Đào Thị N quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu hai bên phát sinh tình cảm và được cha mẹ đồng ý nên cả 02 tiến tới hôn nhân vào năm 2010, gia đình 02 bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng đến nay anh K và chị N cũng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Tuy nhiên, đến thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, từ đó đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Kể từ năm 2015, đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay anh K xác định không còn tình cảm gì với chị N nên đề nghị Tòa án xem xét không công nhận quan hệ là vợ chồng với chị Đào Thị N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh K và chị N có 01 con chung tên: Đào Thị Ngọc D, sinh năm 2012. Hiện con chung đang sống với chị N, nên anh K đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nghĩa vụ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Đào Thị N theo bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thông qua mai mối của người thân nên chị N và anh K quen biết nhau, từ đó 02 bên phát sinh tình cảm. Sau thời gian tìm hiểu được cha mẹ 02 bên đồng ý nên cả 02 thống nhất tiến tới hôn nhân vào năm 2010. Gia đình 02 bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng đến nay chị N và anh K cũng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do mâu thuẫn về kinh tế gia đình, từ đó đời sống hôn nhân không hạnh phúc, kể từ tháng năm 2015 đến nay chị N đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được. Nay anh K đề nghị Tòa án xem xét không công nhận quan hệ là vợ chồng thì chị N cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị N và anh K có 01 con chung tên: Đào Thị Ngọc D, sinh năm 2012. Hiện con chung đang được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng nên chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng không tạo lập tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nghĩa vụ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Phạm Minh K khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Đào Thị N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Quan hệ pháp luật được xác định: Tranh chấp việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đào Thị N có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Phạm Minh K là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án xét xử vắng mặt anh K. Chị Đào Thị N là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án xét xử vắng mặt chị Đào Thị N.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự thì gia đình 02 bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2010, nhưng quá trình chung sống chị chị N và anh K không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy, việc đương sự chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trên cơ sở đó anh K yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Đào Thị N là đúng theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét con chung của chị N và anh K tên Đào Thị Ngọc D, sinh ngày 10/8/2012 đang được chị N nuôi dưỡng và chị N có nguyện vọng được quyền tiếp tục được nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh khương cấp dưỡng nuôi con chung và anh K cũng đồng ý, nên Tòa án giao quyền nuôi con chung cho chị N thực hiện cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc, con chung cho anh K theo quy định của pháp luật không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chung: Đương sự khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81,Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Minh K về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Đào Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Minh K và chị Đào Thị N là vợ chồng.

3. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Đào Thị Mỹ D1, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Đào Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Phạm Minh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh K theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về chia tài sản chung và nghĩa vụ chung: Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh Phạm Minh K phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007869 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Anh K đã thực hiện xong.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP Cần Thơ;*
- *VKSND huyện Cờ Đỏ;*
- *UBND xã Thới Xuân;*
- *Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;*
- *Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;*
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa